

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 06/12/2016**



---

Tháng 05 năm 2017

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 39

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 06/12/2016 từ trang 6 đến trang 39 kèm theo.

### **CHỦ TỊCH CÔNG TY, BAN GIÁM ĐỐC**

Chủ tịch công ty, thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 06/12/2016 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Chủ tịch Công ty**

Ông Nguyễn Như Bình

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Như Bình

Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Quý

Phó Giám đốc

Ông Trương Hoàng Diệp

Phó Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 06/12/2016 và đến ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Hiến.

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ngày 07/12/2016, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh với vốn điều lệ là 145.978.600.000 đồng, trong đó phần vốn Nhà nước là 82,34%. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 2100119570 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh.

Ngoài ra, Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 06/12/2016 kèm theo.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 06/12/2016 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA – Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 06/12/2016, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Như Bình  
Giám đốc  
Trà Vinh, ngày 25 tháng 05 năm 2017

**Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh**

Xác nhận chữ ký và chức danh của  
Công ty TNHH MTV là đúng



Trương Công Chiếm  
Chủ tịch

Số: 74 /2017/UHYACAHCM - BCKTĐL

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc  
Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 06/12/2016 của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh, được lập ngày 25 tháng 05 năm 2017, từ trang 6 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 06/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Tại ngày 06/12/2016, giá gốc khoản đầu tư vào công ty liên kết – Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Duyên Hải là 3.000.000.000 đồng. Công ty chưa thu thập được đầy đủ tài liệu để làm cơ sở đánh giá lại khoản đầu tư theo quy định của Thông tư 127/2014/TT-BTC về việc xử lý tài chính tại thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh tại ngày 06 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến mục 4.6 của Thuyết minh Báo cáo tài chính: Theo khoản 1, điều 10 của Thông tư số 127/2014/TT-BTC hướng dẫn xử lý tài chính tại thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chính thức chuyển thành công ty cổ phần, Công ty không phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tuy nhiên, theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính, Công ty phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với tổng giá trị ước tính là 65.493.796 đồng.

Như được nêu tại mục 17 của Thuyết minh Báo cáo tài chính: Năm 2014, Công ty hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá hàng tồn kho với tổng giá trị là 147.184.080 đồng. Việc hoàn nhập này phù hợp với quy định của Thông tư 127/2014/TT-BTC về việc xử lý tài chính tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, nhưng chưa phù hợp với chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành, nên Công ty đã loại trừ khoản thu nhập này khi tính thuế TNDN 2014. Tuy nhiên, Cục thuế Tỉnh Trà Vinh đã ban hành Quyết định số 350/QĐ-CT ngày 22/5/2017 truy thu thuế TNDN năm 2014 với giá trị tương ứng 22% khoản thu nhập nêu trên là 32.380.497 đồng và khoản phạt chậm nộp là 16.614.433 đồng. Do đó, giá trị này đã được điều chỉnh giảm vào khoản phải nộp cho Nhà nước sau cổ phần hóa.

Ngoài ra, chúng tôi cũng lưu ý người đọc đến mục 36.2 và 36.3 của Thuyết minh Báo cáo tài chính: Ngày 07/12/2016, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh với vốn điều lệ là 145.978.600.000 đồng, trong đó phần vốn Nhà nước là 82,34%. Theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến 06/12/2016 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 06/12/2016 để bàn giao từ doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước sang Công ty cổ phần mà không dùng cho mục đích nào khác.

Vấn đề cần nhấn mạnh và vấn đề khác nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán đã trình bày.



**Phan Thanh Điền**

**Giám đốc**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số: 1496-2014-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA - CHI NHÁNH TẠI TP.HCM**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 05 năm 2017*

**Lương Ngô Bảo Trân**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số: 1828-2014-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 06 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 06/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>59.021.386.298</b>	<b>42.920.088.502</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>37.577.722.756</b>	<b>11.309.549.269</b>
Tiền	111		37.260.509.382	10.995.055.464
Các khoản tương đương tiền	112		317.213.374	314.493.805
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>11.729.349.937</b>	<b>24.646.005.353</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	7.734.092.838	7.454.907.979
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.301.482.783	12.744.695.554
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		325.041.874	275.934.512
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.368.672.336	4.170.248.919
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		60.106	218.389
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>9.045.539.996</b>	<b>6.917.765.476</b>
Hàng tồn kho	141		9.045.539.996	6.917.765.476
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>668.773.609</b>	<b>46.768.404</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	12.577.752	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		459.052.204	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	197.143.653	46.768.404
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>298.308.110.725</b>	<b>240.270.615.916</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.174.926.356</b>	<b>84.015.332.309</b>
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	10	2.174.926.356	84.015.332.309
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>256.778.500.779</b>	<b>143.668.347.564</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	254.382.657.812	141.500.766.259
- Nguyên giá	222		341.982.670.312	198.636.125.224
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(87.600.012.500)	(57.135.358.965)
Tài sản cố định vô hình	227	12	2.395.842.967	2.167.581.305
- Nguyên giá	228		2.581.379.729	2.579.254.471
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(185.536.762)	(411.673.166)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>25.492.816.885</b>	<b>3.985.988.243</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	25.492.816.885	3.985.988.243
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	14	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.861.866.705</b>	<b>5.600.947.800</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	10.861.866.705	5.600.947.800
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>357.329.497.023</b>	<b>283.190.704.418</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 06 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 06/12/2016	Tại 01/01/2016
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>205.311.259.996</b>	<b>136.532.059.647</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>82.482.717.925</b>	<b>24.694.745.428</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	2.230.790.817	300.118.223
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	20.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	829.112.861	1.216.550.364
Phải trả người lao động	314		6.062.856.619	5.777.807.047
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	18.939.550.324	11.599.828.914
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	40.414.827.511	478.656.118
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	9.040.000.000	328.000.384
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	4.965.579.793	4.973.784.378
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>122.828.542.071</b>	<b>111.837.314.219</b>
Phải trả dài hạn khác	337	19	86.621.679	7.893.765
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	122.741.920.392	111.829.420.454
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>152.018.237.027</b>	<b>146.658.644.771</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	22	<b>152.018.237.027</b>	<b>146.658.644.771</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		152.018.237.027	105.149.395.961
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	4.843.163.108
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	147.184.080
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	147.184.080
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	36.518.901.622
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>357.329.497.023</b>	<b>283.190.704.418</b>

  
Nguyễn Như Bình  
Giám Đốc

Trà Vinh, ngày 25 tháng 05 năm 2017

  
Nguyễn Thị Hiến  
Kế toán trưởng

  
Đặng Thị Bích Thủy  
Người lập biểu

**Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh**  
Xác nhận chữ ký và chức danh của Công ty TNHH MTV là đúng

  
Chủ tịch  
  
Trương Công Chiếm




**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 06/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016	Năm 2015
			đến 06/12/2016	
			VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	21	<b>62.239.982.145</b>	<b>62.953.859.723</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>62.239.982.145</b>	<b>62.953.859.723</b>
Giá vốn hàng bán	11	22	41.328.616.810	40.986.138.345
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>20.911.365.335</b>	<b>21.967.721.378</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	788.745.744	224.219.506
Chi phí tài chính	22	24	1.466.075.385	1.321.192.412
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.466.075.385</i>	<i>1.321.192.412</i>
Chi phí bán hàng	25	25	5.787.672.688	6.471.156.206
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	9.553.265.319	9.602.719.424
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>4.893.097.687</b>	<b>4.796.872.842</b>
Thu nhập khác	31	26	143.732.943	337.742.714
Chi phí khác	32	27	114.472.674	577.923.088
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>29.260.269</b>	<b>(240.180.374)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>4.922.357.956</b>	<b>4.556.692.468</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	899.210.679	1.075.185.506
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>4.023.147.277</b>	<b>3.481.506.962</b>

  
Nguyễn Như Bình  
Giám Đốc

Trà Vinh, ngày 25 tháng 05 năm 2017

  
Nguyễn Thị Hiền  
Kế toán trưởng

  
Đặng Thị Bích Thủy  
Người lập biểu

**Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh**  
Xác nhận chữ ký và chức danh của Công ty TNHH MTV là đúng



  
Trương Công Chiêm

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 06/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016	Năm 2015
			đến 06/12/2016	
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>4.922.357.956</b>	<b>4.556.692.468</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		14.590.944.295	10.041.644.842
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(784.473.475)	510.440.490
Chi phí lãi vay	06		1.466.075.385	1.321.192.412
Các điều chỉnh khác	07		23.015.464	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước</b>	<b>08</b>		<b>20.217.919.625</b>	<b>16.429.970.212</b>
<b>thay đổi vốn lưu động</b>				
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		103.545.847.119	(31.740.536.118)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.436.156.675)	718.499.350
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể	11		16.804.589.904	6.637.039.520
lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)				
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(4.821.533.675)	584.582.290
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.411.632.628)	(1.295.083.297)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.862.871.289)	(1.076.176.403)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		24.732.800.511	1.027.814.970
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.572.472.610)	(447.637.345)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh</b>	<b>20</b>		<b>153.196.490.282</b>	<b>(9.161.526.821)</b>
<b>doanh</b>				
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và	21		(152.597.185.062)	(20.412.179.056)
các tài sản dài hạn khác				
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ	24		-	311.347.565
nợ của đơn vị khác				
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được	27		788.745.744	185.762.291
chia				
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(151.808.439.318)</b>	<b>(19.915.069.200)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 06/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016	Năm 2015
			đến 06/12/2016	VND
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		5.255.622.969	-
Tiền thu từ đi vay	33		22.092.499.938	31.912.243.539
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.468.000.384)	(3.130.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>24.880.122.523</b>	<b>28.782.243.539</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>26.268.173.487</b>	<b>(294.352.482)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	11.309.549.269	11.603.901.751
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	<u>37.577.722.756</u>	<u>11.309.549.269</u>

Nguyễn Như Bình  
Giám Đốc

Trà Vinh, ngày 25 tháng 05 năm 2017

Nguyễn Thị Hiền  
Kế toán trưởng

Đặng Thị Bích Thủy  
Người lập biểu

**Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh**

Xác nhận chữ ký và chức danh của Công ty TNHH MTV là đúng



Trương Công Chiếm

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh (sau đây gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2100119570 đăng ký lần đầu ngày 28/12/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp với vốn điều lệ 70.804.252.691 đồng. Công ty chuyển đổi từ Công ty Cấp thoát nước Trà Vinh theo Quyết định số 2248/QĐ.UBND ngày 22/12/2010 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Trà Vinh.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 521B Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Tp. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất kinh doanh nước sạch và nước máy phục vụ sinh hoạt của đô thị.

**1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất kinh doanh nước sạch và nước máy phục vụ sinh hoạt của đô thị;
- Khoan khai thác nước ngầm;
- Hệ thống thoát nước công ích trên địa bàn thành phố Trà Vinh;
- Quản lý và xây lắp các hệ thống cấp nước;
- Kinh doanh vật tư chuyên ngành;
- Dịch vụ kiểm định đồng hồ đo nước trạm cấp A-B-C, theo chế độ: Ban đầu, định kỳ, bất thường.

**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất kinh doanh nước sạch và nước máy phục vụ sinh hoạt đô thị. Theo đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là ngắn ngày và quay vòng thường xuyên, liên tục nhiều lần trong tháng.

**1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KỲ KẾ TOÁN CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh nước sạch nước máy phục vụ sinh hoạt. Yếu tố chính sách về đơn giá tiền nước, thuế tài nguyên, chính sách khuyến khích ưu đãi của địa phương và của nhà nước thay đổi theo từng thời kỳ có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Công ty không có công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Công ty có 06 chi nhánh và xí nghiệp trực thuộc bao gồm: Chi nhánh Cầu Ngang - Trà Cú, Chi nhánh Tiểu Cần - Cầu Kè, Chi nhánh Xây lắp - dịch vụ, Xí nghiệp Thoát nước, Xí nghiệp Cấp nước, Xí nghiệp Khai thác nước ngầm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 KỲ KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần kể từ ngày 07/12/2016, do đó báo cáo tài chính kỳ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 06/12/2016.

**2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") của Bộ Tài chính ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông Tư 200.

**3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 06/12/2016.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 06/12/2016 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2015.

**4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng. Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại (dưới 12 tháng hay từ 12 tháng trở lên kể từ thời điểm báo cáo) để trình bày là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán đánh giá khả năng thu hồi để ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

**4.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý.

Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

**4.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**4.6 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG**

Theo Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn xử lý hành chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần”, Công ty không trích lập các khoản dự phòng trong giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 06/12/2016.

**4.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP)**

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b>Nhóm tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 50
Máy móc, thiết bị	05 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Phương tiện vận tải	10 – 30
Tài sản cố định khác	25

Tài sản vô hình của Công ty là phần mềm quản lý được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 5 năm và quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê đất.

**4.8 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG DỠ DANG**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**4.9 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các công cụ dụng cụ và các chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh khác có thời hạn phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

**4.10 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Chi phí phải trả được ghi nhận là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.11 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp, không ghi nhận theo số cam kết, số phải thu của các chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**4.12 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.13 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**4.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.15 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó bên liên quan của Công ty là chủ sở hữu, Chủ tịch công ty và thành viên Ban Giám đốc của Công ty.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Tại 06/12/2016</b>	<b>Tại 01/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	40.839.467	26.308.555
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	37.219.669.915	10.968.746.909
Các khoản tương đương tiền (**)	317.213.374	314.493.805
<b>Cộng</b>	<b>37.577.722.756</b>	<b>11.309.549.269</b>

(\*) Trong đó, tiền gửi ngân hàng về các khoản thu cổ phần hóa là 23.692.277.138 đồng.

(\*\*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tuần tại ngân hàng thương mại.

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>Tại 06/12/2016</b>	<b>Tại 01/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>7.734.092.838</b>	<b>7.454.907.979</b>
- Công ty CP XD công trình Thủy Hà Nội- DA Lia 5,6,7	212.470.821	142.204.431
- Công ty CP Nam Tân	689.376.237	976.302.067
- Phòng Quản lý Đô thị Thị xã Trà Vinh	725.672.000	1.206.574.000
- Phải thu khách hàng khác	6.106.573.780	5.129.827.481
<b>Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Tại 06/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>2.301.482.783</b>	<b>12.744.695.554</b>
- Công ty Cổ phần Bơm Châu Âu	-	2.005.915.826
- Công ty TNHH TMDV Kỹ Thuật Đức Hùng	-	9.397.812.577
- Công ty TNHH TVXD hạ tầng KT & Môi Trường Thanh Hưng	-	449.110
- Cty TNHH XD TM Cấp thoát nước Phương Nam - DA Cầu Kè	989.137.000	-
- Cty TNHH XD TM Cấp thoát nước Phương Nam - DA Trà Cú	968.228.000	-
- Công ty TNHH MTV Xây Dựng Hương Dương	204.709.035	-
- Trả trước cho người bán khác	139.408.748	1.340.518.041
<b>Trả trước cho người bán dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.301.482.783</b>	<b>12.744.695.554</b>

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Tại 06/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.368.672.336</b>	-	<b>4.170.248.919</b>	-
- Phải thu về cổ phần hóa ngắn hạn	-	-	285.166.857	-
- Tạm ứng	67.384.000	-	82.980.000	-
- Xí nghiệp Dịch vụ - thi công dự án LIA 5,6,7	-	-	180.151.598	-
- Xí nghiệp Dịch vụ - thi công dự án LIA 10	398.344.740	-	401.781.214	-
- Phải thu Ban QLDA	104.090.909	-	1.768.460.047	-
- Phải thu vốn ngân sách Nhà nước	460.534.342	-	-	-
- Phải thu khác	338.318.345	-	1.736.876.060	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.368.672.336</b>	-	<b>4.170.248.919</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Tại 06/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.792.371.603	-	6.841.778.234	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	253.168.393	-	75.987.242	-
<b>Cộng</b>	<b>9.045.539.996</b>	<b>-</b>	<b>6.917.765.476</b>	<b>-</b>

**10. VỐN KINH DOANH Ở CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC**

	Tại 06/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
Vốn kinh doanh DA NMN TT Duyên Hải		81.940.002.814
Vốn kinh doanh DA NMN TT Trà Cú - CP BQL Dự án	316.257.175	266.257.175
Vốn kinh doanh DA NMN TT Cầu Kè	49.596.861	-
Vốn kinh doanh DA NMN Tp Trà Vinh	1.809.072.320	1.809.072.320
<b>Cộng</b>	<b>2.174.926.356</b>	<b>84.015.332.309</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ HH khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>Tại 01/01/2016</b>	<b>40.137.827.710</b>	<b>41.093.030.469</b>	<b>109.968.323.843</b>	<b>4.831.058.915</b>	<b>2.605.884.287</b>	<b>198.636.125.224</b>
- Mua sắm		265.317.182		280.454.545	80.347.000	626.118.727
- Xây dựng hoàn thành (1)	28.275.895.422	13.418.686.727	85.726.792.168	2.786.202.640	-	130.207.576.957
- Tăng/(giảm) theo HS XĐGTDN	8.543.791.659	2.230.192.887	11.579.361.419	(9.002.455)	289.921.994	22.634.265.504
- Tăng do phát hiện thừa (2)	39.153	-	40.127.773	-	-	40.166.926
- Giảm theo quyết toán	(52.475.507)	-	-	-	-	(52.475.507)
- Giảm do bàn giao cty mua bán nợ	(1.176.089.670)	(3.705.079.843)	(1.957.748.218)	(43.800.000)	-	(6.882.717.731)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(42.220.897)	-	(31.133.795)	-	(73.354.692)
- Giảm TS không cần dùng	(3.153.035.096)	-	-	-	-	(3.153.035.096)
<b>Tại 06/12/2016</b>	<b>72.575.953.671</b>	<b>53.259.926.525</b>	<b>205.356.856.985</b>	<b>7.813.779.850</b>	<b>2.976.153.281</b>	<b>341.982.670.312</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
<b>Tại 01/01/2016</b>	<b>(8.174.180.796)</b>	<b>(15.572.296.200)</b>	<b>(31.105.033.002)</b>	<b>(1.780.443.630)</b>	<b>(503.405.337)</b>	<b>(57.135.358.965)</b>
- Khấu hao trong năm	(2.710.785.849)	(3.697.397.707)	(7.328.972.299)	(675.266.147)	(97.647.712)	(14.510.069.714)
- (Tăng)/giảm theo HS XĐGTDN	(6.773.382.639)	(1.306.987.438)	(11.503.871.777)	(1.055.560.149)	(44.455.851)	(20.684.257.854)
- Giảm do bàn giao cty mua bán nợ	771.881.805	2.997.494.373	726.544.760	43.800.000	-	4.539.720.938
- Thanh lý, nhượng bán	-	38.986.422	-	30.096.001	-	69.082.423
- Giảm TS không cần dùng	120.870.672	-	-	-	-	120.870.672
<b>Tại 06/12/2016</b>	<b>(16.765.596.807)</b>	<b>(17.540.200.550)</b>	<b>(49.211.332.318)</b>	<b>(3.437.373.925)</b>	<b>(645.508.900)</b>	<b>(87.600.012.500)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại 01/01/2016</b>	<b>31.963.646.914</b>	<b>25.520.734.269</b>	<b>78.863.290.841</b>	<b>3.050.615.285</b>	<b>2.102.478.950</b>	<b>141.500.766.259</b>
<b>Tại 06/12/2016</b>	<b>55.810.356.864</b>	<b>35.719.725.975</b>	<b>156.145.524.667</b>	<b>4.376.405.925</b>	<b>2.330.644.381</b>	<b>254.382.657.812</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng đến ngày 06/12/2016 là: 2.055.008.535 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)**

- (1) Nguyên giá nhà cửa vật kiến trúc tăng do xây dựng cơ bản hoàn thành là nguyên giá tạm tính của Dự án Nhà máy cấp nước Thị trấn Duyên Hải và Công Trình cải tạo, nâng công suất cấp nước thô cho nhà máy nước Tp. Trà Vinh.
- (2) Tài sản tăng do phát hiện thừa theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31/12/2014 gồm:
- Giá trị Đài nước 500m3 phần xây dựng và phần công nghệ: 2.953.992.048 đồng, Công ty đã hạch toán tăng nguyên giá TSCĐ năm 2015 là 2.953.952.895 đồng, phần hạch toán bổ sung trong năm 2016 là 39.153 đồng. Tài sản này thuộc danh mục tài sản không cần dùng, đã điều chỉnh giảm tại ngày 06/12/2016 để xác định phần vốn Nhà nước. Tuy nhiên tài sản này Chi nhánh Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam tại Tp Hồ Chí Minh không tiếp nhận theo biên bản bàn giao trên sổ sách các khoản nợ và tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Trà Vinh ngày 22/05/2017.
  - Giá trị Tuyến ống phân phối PVC đk 80 Quốc lộ 54 từ thị trấn Châu Thành đến trung tâm xã Đa Lộc: 40.127.773 đồng.

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại 01/01/2016	2.151.444.521	427.809.950	2.579.254.471
- Tăng trong kỳ	309.136.243	-	309.136.243
- Giảm theo hồ sơ XĐGTDN	(103.653.005)	(203.357.980)	(307.010.985)
Tại 06/12/2016	<u>2.356.927.759</u>	<u>224.451.970</u>	<u>2.581.379.729</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN</b>			
Tại 01/01/2016	(140.222.363)	(271.450.803)	(411.673.166)
- Khấu hao trong kỳ	(55.780.687)	(25.093.894)	(80.874.581)
- Giảm theo hồ sơ XĐGTDN	103.653.005	203.357.980	307.010.985
Tại 06/12/2016	<u>(92.350.045)</u>	<u>(93.186.717)</u>	<u>(185.536.762)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2016	<u>2.011.222.158</u>	<u>156.359.147</u>	<u>2.167.581.305</u>
Tại 06/12/2016	<u>2.264.577.714</u>	<u>131.265.253</u>	<u>2.395.842.967</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**13. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	Tại 06/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-
b) Xây dựng cơ bản dở dang	25.492.816.885	3.985.988.243
<i>Mua sắm</i>	59.602.728	-
- Máy lạnh Toshiba H18BKCV-2HP	59.602.728	-
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	25.433.214.157	3.985.988.243
- Thi công tuyến ống phân phối	83.309.429	7.991.465
- Hệ thống xử lý nước thải rửa lọc	1.503.197.719	1.212.409.117
- Dự án nâng cấp MR Hệ thống cấp nước thị trấn	22.209.792.939	1.920.290.494
- Dự án đầu tư cấp nước xã H. Tân, C. Điền & Thị trấn Cầu Kè	1.521.106.797	810.923.797
- Cải tạo mở rộng nhà làm việc Công ty	33.475.455	-
- ĐTXD 12 hồ đồng hồ KV phân vùng tách mạng	82.331.818	-
- Chi phí xây dựng công trình khác	-	34.373.370
<b>Cộng</b>	<b>25.492.816.885</b>	<b>3.985.988.243</b>

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 06/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>12.577.752</b>	-
- Chi phí của công ty cổ phần	12.577.752	-
<b>Dài hạn</b>	<b>10.861.866.705</b>	<b>5.600.947.800</b>
- Chi phí lắp đặt thủy lượng kế	5.539.454.814	2.625.948.178
- Chi phí thay thế đồng hồ nước	2.989.934.131	2.160.112.865
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	595.744.856	425.735.969
- Chi phí trả trước dài hạn khác	716.171.492	124.780.460
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.020.561.412	264.370.328
<b>Cộng</b>	<b>10.874.444.457</b>	<b>5.600.947.800</b>

**15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

Là giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Duyên Hải với giá gốc là 3.000.000.000 đồng, số lượng cổ phần nắm giữ là 300.000 cổ phần phổ thông, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết là 20%. Công ty chưa thu thập được đầy đủ tài liệu để làm cơ sở đánh giá lại khoản đầu tư theo quy định của Thông tư 127/2014/TT-BTC về việc xử lý tài chính tại thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 06/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>2.230.790.817</b>	<b>2.230.790.817</b>	<b>300.118.223</b>	<b>300.118.223</b>
- Công ty TNHH Thương mại N.T.P	815.320.000	815.320.000	-	-
- Công ty TNHH MTV Xây Dựng Hương Dương	-	-	61.858.267	61.858.267
- Công ty CP Tư Vấn Nam Khang	-	-	32.700.000	32.700.000
- Cty TNHH Tư Vấn Xây Dựng Hạ tầng Kỹ Thuật & Môi Trường Thanh Hưng	90.623.000	90.623.000	90.623.000	90.623.000
- Công ty CP đầu tư và xây dựng Việt Anh	28.835.637	28.835.637	28.835.637	28.835.637
- Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại TGC	372.955.000	372.955.000	-	-
- Viện Công Nghệ Khoan - Khai Thác	227.500.000	227.500.000	-	-
- Công ty Cổ phần Bơm Châu Âu - DA Trà Cú	200.654.330	200.654.330	-	-
- Phải trả người bán khác	494.902.850	494.902.850	86.101.319	86.101.319
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-	-	-
<b>d) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.230.790.817</b>	<b>2.230.790.817</b>	<b>300.118.223</b>	<b>300.118.223</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số điều chỉnh theo thanh tra thuế	Tại 06/12/2016
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>					
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp (*)	1.097.485.461	899.210.679	1.862.871.289	28.942.784	162.767.635
- Thuế thu nhập cá nhân	28.838.230	415.143.353	441.272.460	-	2.709.123
- Thuế giá trị gia tăng	45.159.090	-	45.159.090	-	-
- Thuế tài nguyên	-	2.040.564.450	1.749.867.200	-	290.697.250
- Thuế môn bài	16.000.000	11.000.000	27.000.000	-	-
- Thuế, phí, lệ phí, các khoản khác (*)	29.067.583	2.758.400.002	2.431.143.165	16.614.433	372.938.853
<b>Cộng</b>	<b>1.216.550.364</b>	<b>6.124.318.484</b>	<b>6.557.313.204</b>	<b>45.557.217</b>	<b>829.112.861</b>
<b>Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>					
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	96.753.233	57.832.366	154.585.599
- Thuế nhà đất	42.558.054	4.892.830	4.892.830	-	42.558.054
- Thuế tài nguyên	4.210.350	4.210.350	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>46.768.404</b>	<b>9.103.180</b>	<b>101.646.063</b>	<b>57.832.366</b>	<b>197.143.653</b>

(\*) Năm 2014 Công ty hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá hàng tồn kho với tổng giá trị là 147.184.080 đồng. Việc hoàn nhập này phù hợp với quy định của Thông tư 127/2014/TT-BTC về việc xử lý tài chính tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, nhưng chưa phù hợp với chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành, nên Công ty đã loại trừ khoản thu nhập này khi tính thuế TNDN 2014. Tuy nhiên, Cục thuế Tỉnh Trà Vinh đã ban hành Quyết định số 350/QĐ-CT ngày 22/5/2017 truy thu thuế TNDN năm 2014 với giá trị tương ứng 22% khoản thu nhập nêu trên là 32.380.497 đồng, và khoản phạt chậm nộp là 16.614.433 đồng. Giá trị này đã được điều chỉnh giảm vào khoản phải nộp cho Nhà nước sau cổ phần hóa. Do đó, số liệu điều chỉnh theo thanh tra thuế bao gồm thuế TNDN truy thu năm 2014 và chênh lệch giảm thuế phải nộp là 3.437.713 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Tại 06/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>18.939.550.324</b>	<b>11.599.828.914</b>
- Dự án Tiểu Cần - Cầu Quan	4.884.668.608	11.294.795.863
- Chi phí lãi vay	80.551.872	26.109.115
- Dự án NM Duyên Hải	13.237.231.316	
- Trích trước chi phí khác	737.098.528	278.923.936
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>18.939.550.324</b>	<b>11.599.828.914</b>

**19. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Tại 06/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>40.414.827.511</b>	<b>478.656.118</b>
- Tài sản thừa chờ xử lý	1.711.167	-
- Kinh phí công đoàn	17.199.777	-
- BHXH, BHYT, BHTN	116.633.125	-
- Phải trả về cổ phần hóa	22.757.183.646	-
- Trợ cấp cho lao động dôi dư	287.534.012	-
- Tiền lãi phải trả cho nhà đầu tư mua cổ phần của công ty	294.469.145	-
- Phải trả vốn ngân sách Nhà nước	16.021.644.922	-
- Phải trả khác về cổ phần hóa	12.075.149	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	906.376.568	478.656.118
<b>b) Dài hạn</b>	<b>86.621.679</b>	<b>7.893.765</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	86.621.679	7.893.765
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>40.501.449.190</b>	<b>486.549.883</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Giá trị VND	Tại 06/12/2016 Số có khả năng trả nợ (VND)	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Giá trị VND	Tại 01/01/2016 Số có khả năng trả nợ (VND)
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>9.040.000.000</b>	<b>9.040.000.000</b>	<b>9.040.000.000</b>	<b>328.000.384</b>	<b>328.000.384</b>	<b>328.000.384</b>
- Ngân hàng Phát triển Trà Vinh (Vay đến hạn trả) (1)	-	-	-	328.000.384	328.000.384	328.000.384
- Quỹ đầu tư PT- DA Xử lý CLNN	2.140.000.000	2.140.000.000	2.140.000.000	-	-	-
- Ngân hàng phát triển-DA TT Duyên Hải	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	-
- NH Phát triển - DA TT Tiểu Cần - Cầu Quan	1.900.000.000	1.900.000.000	1.900.000.000	-	-	-
<b>b) Vay dài hạn (Từ 05 năm trở xuống)</b>	<b>122.741.920.392</b>	<b>122.741.920.392</b>	<b>22.092.499.938</b>	<b>11.180.000.000</b>	<b>111.829.420.454</b>	<b>111.829.420.454</b>
- Quỹ đầu tư Phát triển (2)	6.858.150.000	6.858.150.000		4.280.000.000	11.138.150.000	11.138.150.000
- Ngân hàng Phát triển Trà Vinh (3)	79.802.268.010	79.802.268.010	18.370.020.951	5.000.000.000	66.432.247.059	66.432.247.059
- Ngân hàng Phát triển Trà Vinh (4)	36.081.502.382	36.081.502.382	3.722.478.987	1.900.000.000	34.259.023.395	34.259.023.395
<b>Cộng</b>	<b>131.781.920.392</b>	<b>131.781.920.392</b>	<b>31.132.499.938</b>	<b>11.508.000.384</b>	<b>112.157.420.838</b>	<b>112.157.420.838</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- (1) Đây là khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh NHPT Trà Vinh theo hợp đồng số 05/2009/HĐTD ngày 06/02/2009 với hạn mức 8.915.000.000 VND, thời hạn vay vốn là 132 tháng, lãi suất thay đổi theo thời kỳ. Mục đích vay: Dùng để đầu tư các hạng mục của dự án đầu tư cải tạo – giảm tỷ lệ thất thoát của hệ thống cấp thoát nước của Thành phố Trà Vinh.
- (2) Đây là khoản vay từ quỹ đầu tư phát triển Trà Vinh theo hợp đồng số 02/2013/HĐVV-QĐTPT ngày 09/05/2013 với hạn mức là 15.000.000.000 VND, thời hạn vay vốn 8 năm và lãi suất 12%/năm. Mục đích vay: Dùng để đầu tư xây dựng Công nghệ xử lý chất lượng nước ngầm.
- (3) Đây là khoản vay vốn ODA từ Cơ quan phát triển Pháp (AFD) để đầu tư dự án nhà máy cấp nước Duyên Hải theo hợp đồng vay vốn ODA số 01/2012/HĐODA-NHPTVN ngày 24/08/2012.
- (4) Đây là khoản vay vốn ODA từ Cơ quan phát triển Pháp (AFD) theo hợp đồng số 20/2013/HĐODA-NHPTVN ngày 26/08/2013 với hạn mức là 47.720.000.000 VND, thời hạn vay vốn 15 năm và lãi suất 0,3%/năm. Mục đích vay: Dùng để đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước đô thị Tiểu Cần – Cầu Quan.

**21. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI**

	Tại 06/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
Quỹ khen thưởng	3.084.499.868	3.027.374.582
Quỹ phúc lợi	1.611.950.701	1.752.029.887
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty	269.129.224	194.379.909
<b>Cộng</b>	<b>4.965.579.793</b>	<b>4.973.784.378</b>

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**22.1. CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	Tại 06/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ	VND
Vốn Ngân sách cấp	67,1%	102.030.397.305	97,0%	102.030.397.305
Vốn chuyển từ Xí nghiệp cấp nước Nông thôn	0,3%	462.739.003	0,4%	462.739.003
Vốn nhận tài trợ	5,2%	7.911.882.622	2,5%	2.656.259.653
Tăng do kết chuyển nguồn vốn và tăng giảm khác	27,4%	41.613.218.097	0,0%	-
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>152.018.237.027</b>	<b>100%</b>	<b>105.149.395.961</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**22.2 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại 01/01/2015</b>	<b>102.026.918.848</b>	<b>4.389.267.121</b>	-	<b>20.082.544.138</b>	<b>147.184.080</b>	<b>126.645.914.187</b>
- Tăng vốn trong năm	2.953.952.895	-	-	-	-	2.953.952.895
- Tăng vốn do nhận viện trợ	168.524.218	-	-	-	-	168.524.218
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	3.481.506.962	3.481.506.962
- Trích lập các quỹ	-	453.895.987	-	-	(453.895.987)	-
- Vốn nhà nước cấp cho dự án (Vốn đối ứng ngân sách)	-	-	-	16.436.357.484	-	16.436.357.484
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành 2015	-	-	-	-	(3.027.610.975)	(3.027.610.975)
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>105.149.395.961</b>	<b>4.843.163.108</b>	-	<b>36.518.901.622</b>	<b>147.184.080</b>	<b>146.658.644.771</b>
<b>Tại 01/01/2016</b>	<b>105.149.395.961</b>	<b>4.843.163.108</b>	-	<b>36.518.901.622</b>	<b>147.184.080</b>	<b>146.658.644.771</b>
- Tăng vốn do nhận viện trợ	5.255.622.969	-	-	-	-	5.255.622.969
- Điều chỉnh tăng theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp	40.166.926	-	2.425.142.516	-	-	2.465.309.442
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	4.023.147.277	4.023.147.277
- Vốn nhà nước cấp cho dự án (Vốn đối ứng ngân sách)	-	-	-	19.311.735.445	-	19.311.735.445
- Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành 2016	-	-	-	-	(3.919.710.977)	(3.919.710.977)
- Tăng giảm khác	(531.702.039)	-	-	-	12.275.149	(519.426.890)
- Vốn đối ứng phải trả ngân sách	-	-	-	(15.561.110.580)	-	(15.561.110.580)
- Kết chuyển nguồn vốn NN	42.104.753.210	(4.843.163.108)	(2.425.142.516)	(40.269.526.487)	(262.895.529)	(5.695.974.430)
<b>Tại 06/12/2016</b>	<b>152.018.237.027</b>	-	-	-	-	<b>152.018.237.027</b>

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH**

Số 521B Nguyễn Chí Thanh, Phường 6,

Tp.Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016

đến ngày 06/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****22.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Từ 01/01/2016 đến 06/12/2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	105.149.395.961	102.026.918.848
- Vốn góp tăng trong kỳ	46.868.841.066	3.122.477.113
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	152.018.237.027	105.149.395.961
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**22.4 CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP**

	Tại 06/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	-	4.843.163.108
Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	36.518.901.622

**23 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Tài sản nhận giữ hộ bao gồm:**

- Theo Biên bản bàn giao trên sổ sách các khoản nợ và tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp ngày 22 tháng 05 năm 2017, Công ty đã bàn giao trên sổ sách các tài sản cố định hữu hình, nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ với tổng nguyên giá là 6.882.717.731 đồng, giá trị còn lại tại ngày 06/12/2016 là 2.651.534.857 đồng cho Chi nhánh Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP.HCM (viết tắt là DATC). Đồng thời, Công ty tiếp tục giữ hộ các tài sản này theo yêu cầu của DATC.
- Giá trị còn lại Đài nước 500m<sup>3</sup> phần xây dựng và phần công nghệ: 2.953.992.048 đồng, và đường nội bộ: 93.180.643 đồng. Tuy nhiên hai tài sản này Chi nhánh Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam tại Tp Hồ Chí Minh không tiếp nhận theo biên bản bàn giao trên sổ sách các khoản nợ và tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Trà Vinh ngày 22/05/2017.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**24 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2016 đến 06/12/2016 VND	Năm 2015 VND
<b>a) Doanh thu</b>		
- Doanh thu sản xuất và cung cấp nước máy	55.542.188.413	52.615.141.306
- Doanh thu thoát nước via hè	4.697.781.000	4.699.806.000
- Doanh thu bán vật liệu ngành nước	287.327.601	214.888.421
- Doanh thu xây lắp	1.488.142.026	5.253.668.424
- Doanh thu kiểm định đồng hồ nước	-	16.363.636
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	224.543.105	153.991.936
<b>Cộng</b>	<b>62.239.982.145</b>	<b>62.953.859.723</b>
<b>b) Doanh thu với các bên liên quan</b>	-	-

**25 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2016 đến 06/12/2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn sản xuất và cung cấp nước máy	37.669.831.328	35.278.846.737
Giá vốn thoát nước via hè	2.139.678.631	2.107.475.692
Giá vốn bán vật liệu ngành nước	167.993.678	157.289.811
Giá vốn xây lắp	1.270.432.561	3.367.327.390
Giá vốn kiểm định đồng hồ nước	-	2.520.000
Giá vốn cung cấp dịch vụ	80.680.612	72.678.715
<b>Cộng</b>	<b>41.328.616.810</b>	<b>40.986.138.345</b>

**26 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2016 đến 06/12/2016 VND	Năm 2015 VND
Thu lãi tiền gửi, cho vay	69.697.736	48.858.307
Cổ tức, lợi nhuận được chia	719.048.008	15.951.992
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	159.409.207
<b>Cộng</b>	<b>788.745.744</b>	<b>224.219.506</b>

**27 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2016 đến 06/12/2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	1.466.075.385	1.321.192.412
<b>Cộng</b>	<b>1.466.075.385</b>	<b>1.321.192.412</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**28 CHI PHÍ BÁN HÀNG, QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2016 đến 06/12/2016	Năm 2015
	VND	VND
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>9.553.265.319</b>	<b>9.602.719.424</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	5.606.139.839	5.793.233.711
- Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	271.778.450	404.490.205
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	322.045.950	397.187.960
- Thuế phí, lệ phí	29.997.958	42.325.866
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	259.875	-
- Xóa nợ không có khả năng thu hồi	-	519.750
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	715.403.204	854.115.942
- Chi phí bằng tiền khác	2.607.640.043	2.110.845.990
<b>b. Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>5.787.672.688</b>	<b>6.471.156.206</b>
- Chi phí nhân viên	3.281.463.452	2.786.680.163
- Chi phí vật liệu, bao bì	16.267.199	10.190.909
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.991.619.479	3.006.506.862
- Chi phí khấu hao TSCĐ	212.558.435	424.238.484
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	97.473.444	20.770.450
- Chi phí bằng tiền khác	188.290.679	222.769.338
<b>c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**29 THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2016 đến 06/12/2016	Năm 2015
	VND	VND
Nhận viện trợ của Hà Lan	-	113.465.533
Thu nhập do thẩm định giá tài sản đầu tư	-	103.436.299
Thu nhập khác	143.732.943	120.840.882
<b>Cộng</b>	<b>143.732.943</b>	<b>337.742.714</b>

**30 CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2016 đến 06/12/2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí thanh lý TSCĐ	4.272.269	575.250.789
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ thanh lý	23.015.464	-
Chi phí khác	87.184.941	2.672.299
<b>Cộng</b>	<b>114.472.674</b>	<b>577.923.088</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**31 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>4.922.357.956</b>	<b>4.556.692.468</b>
Điều chỉnh tăng các khoản thu nhập chịu thuế	292.743.447	346.466.371
Điều chỉnh giảm các khoản thu nhập chịu thuế	(719.048.008)	(15.951.992)
- <i>Cổ tức lợi nhuận được chia</i>	<i>(719.048.008)</i>	<i>(15.951.992)</i>
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>4.496.053.395</b>	<b>4.887.206.847</b>
Thuế suất	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	899.210.679	1.075.185.506
<b>Tổng chi phí thuế TNDN</b>	<b>899.210.679</b>	<b>1.075.185.506</b>

**32 CHI PHÍ THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2016 đến 06/12/2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu	14.136.211.355	18.381.540.276
Chi phí nhân công	20.792.401.523	22.509.586.343
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.590.944.295	10.041.644.842
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.717.435.831	1.664.012.541
Chi phí bằng tiền khác	5.432.561.813	4.463.229.973
<b>Cộng</b>	<b>56.669.554.817</b>	<b>57.060.013.975</b>

**33 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực kinh doanh bao gồm: sản xuất và cung cấp nước máy, thoát nước via hè, xây lắp và các hoạt động khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh. Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Báo cáo chính yếu.

Công ty hoạt động trong trong một môi trường kinh tế, không có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt đáng kể nên không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**33. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh:

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 06/12/2016	Doanh thu sản xuất và cung cấp nước máy VND	Doanh thu thoát nước via hệ VND	Doanh thu xây lắp VND	Doanh thu bán vật liệu chuyên ngành VND	Doanh thu cung cấp dịch vụ VND	Doanh thu kiểm định đồng hồ nước VND	Cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng	55.542.188.413	4.697.781.000	1.488.142.026	287.327.601	224.543.105	-	62.239.982.145
Chi phí bộ phận	(37.669.831.328)	(2.139.678.631)	(1.270.432.561)	(167.993.678)	(80.680.612)	-	(41.328.616.810)
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>17.872.357.085</b>	<b>2.558.102.369</b>	<b>217.709.465</b>	<b>119.333.923</b>	<b>143.862.493</b>	<b>-</b>	<b>20.911.365.335</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	(15.340.938.007)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.570.427.328</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	788.745.744
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	(1.466.075.385)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	143.732.943
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	(114.472.674)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	-	(899.210.679)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.023.147.277</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

## 33. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Năm 2015	Doanh thu sản xuất và cung cấp nước máy VND	Doanh thu thoát nước via hệ VND	Doanh thu xây lắp VND	Doanh thu bán vật liệu chuyên ngành VND	Doanh thu cung cấp dịch vụ VND	Doanh thu kiểm định đồng hồ nước VND	Cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng	52.615.141.306	4.699.806.000	5.253.668.424	214.888.421	153.991.936	16.363.636	62.953.859.723
Chi phí bộ phận	(35.278.846.737)	(2.107.475.692)	(3.367.327.390)	(157.289.811)	(72.678.715)	(2.520.000)	(40.986.138.345)
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>17.336.294.569</b>	<b>2.592.330.308</b>	<b>1.886.341.034</b>	<b>57.598.610</b>	<b>81.313.221</b>	<b>13.843.636</b>	<b>21.967.721.378</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	(16.073.875.630)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	-	-	-	-	-	-	<b>5.893.845.748</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	224.219.506
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	(1.321.192.412)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	337.742.714
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	(577.923.088)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	-	(1.075.185.506)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	-	-	-	-	-	-	<b>3.481.506.962</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**34 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc chủ sở hữu Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.14.

**CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính.

	Giá trị ghi sổ	
	Tại 06/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.577.722.756	11.309.549.269
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.574.846.832	11.542.176.898
<b>Cộng</b>	<b>46.152.569.588</b>	<b>22.851.726.167</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	131.781.920.392	112.157.420.838
Phải trả người bán và phải trả khác	2.685.661.525	786.668.106
Chi phí phải trả	18.939.550.324	11.599.828.914
<b>Cộng</b>	<b>153.407.132.241</b>	<b>124.543.917.858</b>

**TÀI SẢN ĐẢM BẢO**

**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Trong năm, Công ty không sử dụng tài sản tài chính để thế chấp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác*

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 06/12/2016.

**MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty ít thực hiện các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty ít chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty không phát sinh các khoản vay do đó ít chịu rủi ro về lãi suất.

*Rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**RỦI RO TÍN DỤNG**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

<b>Nợ phải trả tài chính</b>	<b>Từ 01 năm trở xuống VND</b>	<b>Trên 01 năm đến 05 năm VND</b>	<b>Trên 05 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Tại 06/12/2016</b>				
Vay và nợ thuê tài chính	9.040.000.000	122.741.920.392	-	131.781.920.392
Phải trả người bán	2.230.790.817	-	-	2.230.790.817
Phải trả khác	368.249.029	86.621.679	-	454.870.708
Chi phí phải trả	18.939.550.324	-	-	18.939.550.324
<b>Cộng</b>	<b>30.578.590.170</b>	<b>122.828.542.071</b>	<b>-</b>	<b>153.407.132.241</b>
<b>Tại 01/01/2016</b>				
Vay và nợ thuê tài chính	328.000.384	111.829.420.454	-	112.157.420.838
Phải trả người bán	300.118.223	-	-	300.118.223
Phải trả khác	478.656.118	7.893.765	-	486.549.883
Chi phí phải trả	11.599.828.914	-	-	11.599.828.914
<b>Cộng</b>	<b>12.706.603.639</b>	<b>111.837.314.219</b>	<b>-</b>	<b>124.543.917.858</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

Tài sản tài chính	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 06/12/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.577.722.756	-	-	37.577.722.756
Phải thu khách hàng, phải thu khác	8.574.846.832	-	-	8.574.846.832
<b>Cộng</b>	<b>46.152.569.588</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>46.152.569.588</b>
<b>Tại 01/01/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.309.549.269	-	-	11.309.549.269
Phải thu khách hàng, phải thu khác	11.542.176.898	-	-	11.542.176.898
<b>Cộng</b>	<b>22.851.726.167</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>22.851.726.167</b>

**35. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN**

<i>Thu nhập của Ban Giám đốc</i>	Từ 01/01/2016 đến 06/12/2016 VND	Năm 2015 VND
Lương của Ban Giám đốc	1.115.111.507	946.376.675

**36. THÔNG TIN KHÁC**

**36.1. NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

**36.2. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN**

Ngày 07/12/2016, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh với vốn điều lệ là 145.978.600.000 đồng, trong đó phần vốn Nhà nước là 82,34%. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 2100119570 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh.

Ngoài ra, không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**36. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**36.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN-TỤC**

Ngày 07/12/2016, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh đã được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nêu trên.

Theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, trường hợp chuyển Công ty TNHH MTV thành Công ty cổ phần vẫn được xem là đáp ứng giả định hoạt động liên tục. Do đó, báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 06/12/2016 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ngoài ra, không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**37. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán.

Nguyễn Như Bình  
Giám Đốc

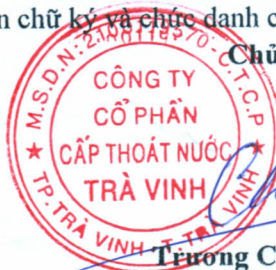
Trà Vinh, ngày 25 tháng 05 năm 2017

Nguyễn Thị Hiền  
Kế toán trưởng

Đặng Thị Bích Thủy  
Người lập biểu

**Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh**  
Xác nhận chữ ký và chức danh của Công ty TNHH MTV là đúng

Chủ tịch



Trương Công Chiêm